

Số: 264 /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành khung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Ngôn ngữ Việt Nam (sửa đổi, bổ sung)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp, nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng Trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng thẩm định ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc thẩm định Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Trưởng chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành khung chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Việt Nam, trình độ thạc sĩ (sửa đổi, bổ sung), mã số: 8220102 (kèm theo Khung chương trình đào tạo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng trong đào tạo ngành Ngôn ngữ Việt Nam trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam, các Trường đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HT và các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống





KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: NGÔN NGỮ VIỆT NAM

MÃ SỐ: 8220102

(Kèm theo Quyết định số 264/QĐ-ĐHĐT ngày 20 tháng 01 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

1. Loại chương trình đào tạo: định hướng ứng dụng

2. Thời gian đào tạo: 02 năm (24 tháng)

3. Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

4. Nội dung chương trình đào tạo

4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 10 tín chỉ (Bắt buộc: 10 tín chỉ; Tự chọn: 00 tín chỉ)

- Kiến thức cơ sở ngành: 14 tín chỉ (Bắt buộc: 08 tín chỉ; Tự chọn: 06 tín chỉ)

- Kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ (Bắt buộc: 15 tín chỉ; Tự chọn: 12 tín chỉ)

- Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ/ Đề án tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp: 09 tín chỉ

4.2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Tiến độ
				LT	ThH	TH	
I. Kiến thức chung			10				
1	GPS.801	Triết học	4	60	00	140	1
2	GEP.801	Tiếng Anh	6	60	60	180	1
II. Kiến thức cơ sở ngành			14				
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			8				
1	MVL.801	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	2	20	10	70	1
2	MVL.802	Ngôn ngữ học tri nhận	3	30	15	105	1
3	MVL.803	Những vấn đề về ngữ pháp chức năng	3	30	15	105	2

<i>2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</i>			6				
1	MVL.804	Lịch sử và loại hình tiếng Việt	3	30	15	105	2
2	MVL.805	Âm vị học và âm vị học Việt ngữ	3	30	15	105	2
3	MVL.806	Đạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	3	30	15	105	2
4	MVL.807	Phương ngữ học địa lý và phương ngữ học xã hội	3	30	15	105	2
5	MVL.808	Ngôn ngữ học và văn hóa	3	30	15	105	2
6	MVL.828	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	30	15	105	2
7	MVL.810	Các vấn đề về cú pháp học và ứng dụng	3	30	15	105	2
8	MVL.811	Văn hóa - ngôn ngữ đồng bằng sông Cửu Long	3	30	15	105	2
9	MVL.812	Ngôn ngữ học tâm lý	3	30	15	105	2
10	MVL.829	Các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu	3	30	15	105	2
11	MVL.832	Giao tiếp liên văn hóa	3	30	15	105	2
III. Kiến thức chuyên ngành			21				
<i>1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>			9				
1	MVL.831	Các bình diện của phân tích diễn ngôn	3	30	15	105	2
2	MVL.814	Ngôn ngữ nghệ thuật	3	30	15	105	2
3	MVL.815	Phân tích văn bản	3	30	15	105	3
<i>2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i>			12				
1	MVL.816	Ngữ nghĩa học từ vựng	3	30	15	105	3
2	MVL.817	Những vấn đề về từ Hán Việt	3	30	15	105	3
3	MVL.818	Ngôn ngữ trong biên tập xuất bản	3	30	15	105	3
4	MVL.819	Ngôn ngữ và truyền thông	3	30	15	105	3

ỨNG DỤNG
 THÔNG TIN
 VÀ MATH
 NGỮ
 ★

5	MVL.820	Ngôn ngữ học xã hội	3	30	15	105	3
6	MVL.821	Dụng học Việt ngữ	3	30	15	105	3
7	MVL.822	Ngôn ngữ văn học Việt Nam	3	30	15	105	3
8	MVL.823	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	3	30	15	105	3
9	MVL.824	Ngôn ngữ học ứng dụng	3	30	15	105	3
10	MVL.825	Kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Việt ở trường phổ thông	3	30	15	105	3
11	MVL.813	Phân tích, đánh giá ngữ liệu dạy tiếng Việt ở trường phổ thông	3	30	15	105	3
12	MVL.832	Tự điển học ứng dụng	3	30	15	105	3
3. Thực tập			6				
1	MVL.826	Thực tập 1	3	00	90	60	4
2	MVL.827	Thực tập 2	3	00	90	60	4
IV. Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ/ Đề án tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp			9				
1	MVL.800	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ/ Đề án tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp	9	00	270	180	3, 4
Tổng số tín chỉ tích lũy			60				

